

Bản án số: 30/2023/DS-ST.

Ngày: 12/9/2023.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp hội".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Trúc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lâm Ngọc Hà.

Ông Châu Thanh Vũ Linh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Loan Em, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**  
Bà Huỳnh Mộng Kiều, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2023/TLST-DS, ngày 24 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng góp hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐST-DS, ngày 01/8/2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Thạch Thị Thanh P, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

**- Bị đơn:** Chị Trần Song Ánh N, sinh năm 1992 (vắng mặt).

(Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

**- Người làm chứng:**

1. Bà Lâm Thị N. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà Thạch Thị T. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Ch, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Bà Sơn Thị Ngọc L. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4. Bà Danh Thị T. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

5. Bà Trần Thị T. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

6. Bà Lâm Thị Thu N. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

7. Bà Lâm Ngọc M. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).
8. Bà Sơn Thị D. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).
09. Ông Trương Thành Đ. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).
10. Bà Lâm Thị Q. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).
11. Bà Liêu Thị M. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).
12. Bà Sơn Thị D. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).
13. Bà Cao O. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN :**

*Trong đơn khởi kiện ngày 08/02/2023, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh P trình bày:*

Chị Thạch Thị Thanh P làm chủ hội, chị Trần Song Ánh N là hội viên, có tham gia 01 chân của dây hội 1.000.000 đồng, mở (khui) vào ngày 05/9/2020 âm, mỗi tháng khui 01 lần, dây hội gồm 20 chân (phần), chị N đã hốt hội rồi, nhưng đóng hội chết chưa đầy đủ, còn nợ 15.000.000 đồng.

Chị Thạch Thị Thanh P khởi kiện yêu cầu bị đơn N trả số tiền hội còn nợ 15.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi và cũng không yêu cầu tính lãi chậm trả sau khi án có hiệu lực, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án.

*Đối với bị đơn Trần Song Ánh N:*

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý cho bị đơn hợp lệ, nhưng đến nay bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và trình bày ý kiến bằng văn bản thừa nhận số nợ theo thông báo thụ lý gởi cho Toà án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn; Toà án đã tổng đạt thông báo, giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Trần Song Ánh N và những người làm chứng đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, những người làm chứng đều vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người làm chứng.

Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi lại số tiền hội trong hợp đồng góp hội mà bị đơn còn nợ, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hội (họ)”.

Về nội dung:

[1] Xét thấy theo yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn là: Nguyên đơn làm chủ hội, chị Trần Song Ánh N là hội viên, có tham gia 01 chân của dây hội

1.000.000 đồng, mở (khui) vào ngày 05/9/2020 âl, mỗi tháng khai 01 lần, dây hui gồm 20 chân (phần), chị N đã hốt hui rồi, nhưng đóng hui chết chưa đầy đủ, còn nợ 15.000.000 đồng.

Trong quá trình thụ lý đến nay bị đơn N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và trình bày ý kiến bằng văn bản thừa nhận số nợ theo thông báo thụ lý gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Mặt khác những người làm chứng bà Lâm Thị N, bà Sơn Thị Ngọc L, bà Thạch Thị T, bà Lâm Thị Ngọc M đã trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2023 và ngày 23/8/2023 là những người làm chứng có tham gia chơi hui cùng dây hui với bị đơn Trần Song Ánh N đã biết bị đơn N đã hốt hui rồi, còn nợ của nguyên đơn phần tiền chưa đóng hui chết, nên yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn lại 15.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và cũng không yêu cầu tính lãi chậm trả sau khi án có hiệu lực, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án.

Xét thấy yêu cầu nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những căn cứ nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ còn lại 15.000.000 đồng.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân.

- Điều 471 Bộ luật Dân sự.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- Buộc bị đơn chị Trần Song Ánh N có nghĩa vụ **trả cho nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh P số tiền nợ hui còn lại 15.000.000 đồng** (mười lăm triệu đồng chẵn).

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Song Ánh N phải chịu 750.000 đồng (bảy trăm năm chục nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng đã nộp 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005805 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Trúc**